TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày: 14-5-2024.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Trung Du.
2. Ông: Nguyễn Văn Cơ Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 480/2023/TLST – DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị K** – sinh năm: 1961 (có mặt).
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: 1/ Chị **Nguyễn Mộng T** – sinh năm: 1983 (vắng mặt).
2/ Anh **Huỳnh Văn T1** – sinh năm: 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:*

Vào ngày 03/6/2022âl nhằm ngày 01/7/2022dl, bà K có cho chị T vay số T 100.000.000đ. Đến ngày 15/02/2023âl nhằm ngày 06/3/2023dl, bà K cho chị T vay tiếp số T 200.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mục đích để có vốn trồng cam, có làm biên nhận nợ do chị T trực tiếp viết và ký tên. Hứa 01 tháng sau sẽ trả. Sau khi vay, chị T có đóng lãi cho bà K được 03 tháng T lãi với số T là 300.000.000đ thì ngưng cho đến nay.

Đến tháng 9/2023, chồng của T là anh Huỳnh Văn T1 có đến hỏi T vay của bà K nhưng bà không đồng ý cho vay tiếp. Bà K có đưa giấy nợ vay của chị T

cho anh T1 biết để yêu cầu hai vợ chồng trả nợ. Cho đến nay vợ chồng chị T, anh T1 vẫn chưa trả nợ cho bà K.

Nay bà K yêu cầu chị Nguyễn Mộng T và anh Huỳnh Văn T1 phải trả số T nợ vốn vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày 06/3/2023 đến ngày 13/5/2024 là 14 tháng x 1,6%/tháng với số T là 67.200.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 367.200.000đ (ba trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

** Tại bản khai ý kiến ngày 12/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Mộng T trình bày:*

Vào năm 2022 và năm 2023, chị T có vay của bà K 02 lần 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích để làm ăn, có làm biên nhận nợ do chị T trực tiếp viết, ký tên vào hai biên nhận, chị T trực tiếp nhận T. Hứa 03-04 tháng trả nhưng đến nay chưa trả cho bà K số T vốn nào nhưng có 04 tháng trả được một lần T lãi số T bao nhiêu thì chị T không nhớ, trả được một thời gian thì ngưng cho đến nay.

Sự việc chị T vay T của bà K lúc đầu anh T1 không biết. Sau này anh T1 biết và có nói với chị T thiếu nợ thì làm ăn từ từ trả. Chị T đồng ý trả nợ cho bà K.

** Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn T1:*

Anh Huỳnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà và chị Nguyễn Mộng T, anh Huỳnh Văn T1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Mộng T, anh Huỳnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà K yêu cầu chị T và anh T1 phải trả số T nợ vốn vay là 300.000.000đ và T lãi là 67.200.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 367.200.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận có vay của bà K số T 300.000.000đ, mục đích để làm ăn, có làm biên nhận nợ do chị T trực tiếp viết và ký tên. Chị T đồng ý trả số T vay theo yêu cầu của bà K.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ để có ý kiến về việc bà K yêu cầu chị T và anh T1 trả số T nợ

vay. Tuy nhiên, anh T1 không nộp ý kiến hay chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của bà K.

Xét, vào thời điểm chị T vay T của bà K thì giữa chị T và anh T1 là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Chị T trình bày anh T1 biết khoản nợ chị vay của bà K. Do đó, bà K yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm trả nợ với chị T là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của bà K. Buộc chị T và anh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số T nợ vốn vay là 300.000.000đ và T lãi là 67.200.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 367.200.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T và anh T1 phải nộp T án phí dân sự sơ thẩm là 18.360.000đ.

Bà K không phải nộp T án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Buộc chị Nguyễn Mộng T và anh Huỳnh Văn T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị K số T nợ vốn vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và T lãi là 67.200.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 367.200.000đ (ba trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Mộng T và anh Huỳnh Văn T1 phải nộp T án phí dân sự sơ thẩm là 18.360.000đ (mười tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị K không phải nộp T án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiếu

Phạm Thị Lanh